



Có nên sáp nhập các ngân hàng hoạt động yếu kém trong quá trình cải tổ?

Thạc sĩ NGUYỄN HOÀI LINH

Theo báo cáo nghiên cứu của Dự án chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm mới thời kỳ 2001-2010 được ký kết giữa Bộ kế hoạch và đầu tư và Chương trình phát triển của Liên hiệp quốc (UNDP) thì Việt Nam cần phải tạo ra tốc độ tăng trưởng 10% mỗi năm để thực hiện một cuộc tấn công mạnh mẽ và sâu sắc hơn vào vấn đề tạo việc làm, tăng thu nhập và giảm tỷ lệ đói nghèo. Tuy nhiên, cũng theo báo cáo của dự án, "Việc duy trì lâu dài một tốc độ tăng trưởng với quy mô như vậy sẽ phụ thuộc vào việc thay đổi đáng kể tốc độ cải cách kinh tế, nhất là về phương diện phát triển khu vực tư nhân hơn nữa, tạo môi trường mang tính hỗ trợ hơn đối với doanh nghiệp, củng cố hệ thống ngân hàng và thị trường vốn" (1).

Kể từ năm 1998, Chính phủ đã thực hiện một số biện pháp nhằm chấn chỉnh củng cố lại hệ thống ngân hàng, chủ yếu là cải thiện khung pháp lý và cơ cấu lại hệ thống ngân hàng thương mại cổ phần (NHTMCP). Hiện nay, bên cạnh một số ít NHTMCP hoạt động lành mạnh, có hiệu quả, đóng góp vào việc đa dạng hóa các định chế tài chính và việc phát triển hệ thống ngân hàng ở nước ta thì một số NHTMCP khác do quản lý yếu kém đã

làm giảm niềm tin của công chúng vào hệ thống NHTMCP và gây nhiều trở ngại cho tiến trình cải cách ngân hàng của Chính phủ. Theo Nghị định 82/CP do Chính phủ ban hành ngày 3 tháng 10 năm 1998 các NHTMCP đô thị phải có mức vốn pháp định tối thiểu là 70 tỷ đồng, đã có một số ngân hàng phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ đáp ứng yêu cầu về mức vốn pháp định. Nhưng rõ ràng tăng vốn thông qua việc phát hành cổ phiếu là một giải pháp khó thực hiện, nhất là trong tình hình hệ thống NHTMCP có những biến động tác động tiêu cực đến niềm tin của các cổ đông tương lai.

Trong thời gian gần đây, các phương thức sáp nhập hay mua lại ngân hàng được xem như một giải pháp hữu hiệu hơn cả bởi vì cùng một lúc giải quyết được hai vấn đề là các ngân hàng có thể tích tụ, tập trung củng cố để đáp ứng quy định của Chính phủ đồng thời quy mô ngân hàng cũng trở nên lớn hơn. Tuy nhiên, việc sáp nhập hay mua lại chưa đảm bảo giải quyết được vấn đề căn cơ là nâng cao trình độ quản lý. Như vậy, bản thân các ngân hàng sau khi sáp nhập vẫn chứa đựng những nguy cơ tiềm tàng.

Trong buổi thuyết trình về vấn đề "Đổi mới chính sách kinh tế và sự phát

triển của châu Á" tại Trường cán bộ và quản lý doanh nghiệp thành phố Hồ Chí Minh vào tháng 6 năm 2002, Tiến sĩ Hilton L. Root, Quyền giám đốc điều hành Ngân hàng phát triển châu Á đã nêu ra trường hợp của Nhật Bản đáng để chúng ta quan tâm tham khảo. Trước đây, chính phủ Nhật Bản khi đối đầu với hệ thống ngân hàng yếu kém cũng đã "ghép" các ngân hàng yếu kém vào các ngân hàng lớn và hệ quả là cả hệ thống ngân hàng suy yếu theo.

Hơn nữa, hiện nay tốc độ phát triển của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh ở Việt Nam rất lạc quan và Chính phủ đã đánh giá đây là một thành phần kinh tế quan trọng góp phần tạo việc làm và phát triển kinh tế của đất nước. Từ một khu vực nhỏ bé năm 1991, đến nay đã có trên 2 triệu hộ kinh doanh cá thể và 24.000 doanh nghiệp ngoài quốc doanh đăng ký hoạt động; khu vực ngoài quốc doanh đã đóng góp tỷ trọng 62% GDP cho nền kinh tế. Tuy nhiên các ngân hàng có quy mô lớn như các ngân hàng quốc doanh, các ngân hàng liên doanh và ngân hàng nước ngoài thường chỉ chú trọng phục vụ cho đối tượng khách hàng lớn, có uy tín lâu năm.

Như vậy, một bộ phận khách hàng là các doanh nghiệp tư nhân mới

thành lập, vốn ít rất khó tiếp cận với nguồn tín dụng do các ngân hàng nêu trên cung cấp, trong khi khu vực này tiếp nhận đến 91% lực lượng lao động của toàn xã hội. Tuy ngân hàng quốc doanh có triển khai chương trình cho hộ nông dân vay vốn nhưng cũng còn hạn chế bởi nhiều lý do khác nhau. Rõ ràng, một bộ phận có nhu cầu tín dụng là các doanh nghiệp tư nhân và hộ gia đình, thành phần chủ yếu của khu vực ngoài quốc doanh hiện nay khó có cơ hội được đưa vào danh mục khách hàng của các ngân hàng lớn.

Do đó, cũng có nhiều quan điểm cho rằng không nên sáp nhập các ngân hàng lại với nhau bằng sự cưỡng chế của Chính phủ mà nên duy trì và tạo điều kiện cho những ngân hàng hoạt động lành mạnh, có hiệu quả phát triển dù các ngân hàng này có qui mô nhỏ, vốn thấp.

Việc duy trì hoạt động của các ngân hàng qui mô nhỏ nhưng có hiệu quả vẫn có ý nghĩa lớn góp phần đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp nhỏ

và hộ gia đình. Đa dạng hóa đối tượng phục vụ và nâng cao tính linh hoạt của các ngân hàng, NHTMCP Cờ Đỏ thành phố Cần Thơ là một ví dụ điển hình. Tổng số vốn khi thành lập của NHTMCP Cờ Đỏ chỉ có 5 tỷ đồng nhưng hoạt động tín dụng của ngân hàng rất hiệu quả. NHTMCP Cờ Đỏ chủ yếu cho vay hộ nông dân, không có tài sản thế chấp, việc thu hồi vốn vay của ngân hàng phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện thời tiết, mùa màng nhưng NHTMCP Cờ Đỏ lại được Trung tâm thông tin tín dụng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đánh giá vào loại ngân hàng có chất lượng tín dụng tốt nhất trong các ngân hàng tham gia Trung tâm tín dụng.

Đối với các ngân hàng hoạt động yếu kém thì Chính phủ nên kiên quyết cho phá sản hay giải thể để làm trong sạch hơn hệ thống ngân hàng và củng cố lòng tin của công chúng.

Theo Tiến sĩ Dương Đăng Huệ, Vụ phó Vụ pháp luật dân sự kinh tế, Bộ tư pháp, mặc dù "chúng ta đã có Luật

phá sản doanh nghiệp nhưng trong 7 năm triển khai thi hành Luật phá sản doanh nghiệp, trung bình mỗi năm ngành tòa án chỉ nhận được và thụ lý 30 đơn yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp và 50% trong số đó phải đình chỉ, tạm đình chỉ giải quyết vì nguyên nhân chính là do các quy định giải quyết phá sản còn nhiều bất cập, vướng mắc" (2). Bên cạnh đó, vấn đề phá sản hay giải thể một ngân hàng lại có ảnh hưởng rất lớn đến tình hình kinh tế chung, cho nên đây cũng là một khía cạnh cần xem xét thận trọng ■

Chú thích & tài liệu tham khảo

(1) *Việt Nam hướng tới 2010* (Tuyển tập báo cáo phối hợp nghiên cứu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của các chuyên gia Việt Nam và quốc tế), tập 1, NXB Chính trị quốc gia.

(2) Hải Thanh, *Luật phá sản - Chưa cứu được những doanh nghiệp chết lâm sàng*, Báo Sài Gòn giải phóng ngày 15.7.2002.

- Thạc sĩ Lê Phan Diệu Thảo, *Sáp nhập ngân hàng: giải pháp và thực hiện*, tạp chí Phát triển kinh tế, 1.2001.

- Website: www.worldbank.org.vn/ Vietnamese/secup/navpl9.htm

(Tiếp theo trang 6)

Các giải pháp hoàn thiện và ...

* Tạo lập hành lang pháp lý khuyến khích các doanh nghiệp bảo hiểm mở rộng các hoạt động đầu tư vào TTCK nhằm tận dụng tối đa nguồn vốn nhàn rỗi và đa dạng hóa kinh doanh.

+ Tăng cường vai trò tích cực của các NHTM trong việc thúc đẩy tiến trình cổ phần hóa DNNN, đặc biệt là chính sách cho vay vốn đối với người lao động trong các doanh nghiệp cổ phần hóa để mua cổ phần. Thực hiện chính sách này sẽ góp phần nhất định vào việc mở rộng thị trường tiêu thụ vốn của các NHTM, nhưng lại hạn chế rủi ro vì có cơ sở đảm bảo vững chắc là cổ phiếu.

+ Hoàn thiện quy chế bán cổ phần cho các nhà đầu tư nước ngoài nhằm kích cầu chứng khoán, gia tăng tốc độ thu hút vốn đầu tư của nước ngoài và đẩy mạnh tiến trình cổ phần hóa các DNNN.

* Cần mở rộng danh mục ngành nghề của các doanh nghiệp được phép thực hiện bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài. Ngoài các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực: dệt may, giày dép, chế biến da, sản xuất vật liệu xây dựng, vận tải đường bộ, đường thủy nội địa, vận tải hàng hóa bằng container, sản xuất đồ dùng học tập, sản xuất đồ chơi trẻ em, thương mại, dịch vụ, khách sạn (theo Quyết Định 145 của Chính phủ và Thông tư 132 của Bộ tài chính ngày 15.11.1999) ... nên tập trung vào các doanh nghiệp hoạt động trong những lĩnh vực cần nhiều vốn, công nghệ, cần tăng cường khả năng quản lý, cạnh tranh như: điện lực, bưu chính viễn thông, hàng không, dầu khí.

* Về lâu dài, trong xu thế hội nhập của nền kinh tế và để cho TTCK ngày càng mang tính đại chúng và được quốc tế hóa. Nhà nước nên có chính sách mở rộng và đi đến bãi bỏ những điều kiện ràng buộc tham gia kinh doanh chứng khoán và hạn chế về số

lượng cổ phần bán cho nhà đầu tư nước ngoài trong các CTCP niêm yết trên TTCK (như hiện nay theo QĐ số 145/1999 của Chính phủ ban hành ngày 28.6.1999 thì tổng giá trị cổ phần bán cho nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 30% vốn điều lệ công ty). Tuy vậy, thực hiện tiến trình này cần phải dựa trên một khung pháp lý có thể đảm bảo được an toàn tài chính của quốc gia và ổn định thị trường. Trước mắt, nên nới lỏng điều kiện tham gia kinh doanh chứng khoán của các nhà đầu tư nước ngoài khi thực hiện dịch vụ thông qua hệ thống các ngân hàng là thành viên lưu ký toàn cầu.

* Cần thực hiện chính sách ưu đãi về thuế, phí, lệ phí ... đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia mua bán chứng khoán một cách minh bạch và bình đẳng như các tổ chức, cá nhân trong nước. Đồng thời, cần quy định rõ ràng cơ chế hoán chuyển giữa đồng nội tệ và ngoại tệ trong quá trình tham gia mua bán chứng khoán của các nhà đầu tư nước ngoài.

- Các giải pháp hỗ trợ khác:

+ Đa dạng nguồn thông tin cung cấp cho người đầu tư về thị trường giao dịch và công ty niêm yết nhằm đảm bảo lợi ích cho người đầu tư và tạo lòng tin cho công chúng. Để góp phần tăng độ tin cậy những thông tin của thị trường, Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện chế độ báo cáo tài chính, hệ thống kế toán, kiểm toán. Đồng thời, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện khung pháp lý cho TTCK về các quy chế của quy trình hoạt động giao dịch, thanh toán, lưu ký, niêm yết, công bố thông tin.

+ Tăng cường công tác giám sát, thanh tra của Trung tâm giao dịch chứng khoán, của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và trong tương lai là hiệp hội các nhà đầu tư chứng khoán ... để kịp thời phát hiện những hành vi phạm pháp luật đảm bảo thị trường hoạt động lành mạnh, hiệu quả ■